

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 511/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 228/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T; Sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Số X đường D, Phường Y, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Bị đơn:* Ông Mai Nguyễn Hữu S; Sinh năm 1989;

Nơi đăng ký thường trú: L, P, Đầm Dơi, Cà Mau;

Nơi cư trú: Số X đường D, Phường Y, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và ông Mai Nguyễn Hữu S quen biết nhau qua một vài lần đi chơi chung cùng nhóm bạn bè, qua nhiều lần gặp mặt cả hai trở nên thân thiết hơn và

nảy sinh tình cảm và có với nhau 01 con chung đặt tên Mai Nguyễn Tuấn K (nam, sinh ngày 27/4/2021). Sau đó, ông Mai Nguyễn Hữu S đưa mẹ ruột sang nhà bà T để xin phép cho bà T và ông S về sống chung để tiện chăm sóc con. Tại thời điểm bà T và ông S chung sống như vợ chồng năm 2020 – 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên bà T và ông S không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong thời gian ông S sinh sống tại nhà bà T, ông S đã tiến hành thủ tục làm căn cước công dân gắn chip và đăng ký cư trú tại địa chỉ nhà của bà T ở số Số X đường D, Phường Y, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu sống chung như vợ chồng, cả hai sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó do tính tình không hợp, ông S sống không thành thật, không có trách nhiệm và chăm lo cho gia đình, cho con. Dẫn đến việc hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Sau nhiều lần trao đổi, hòa giải ông S chỉ hứa hẹn nhưng không thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề, giữa hai bên không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm lẫn nhau.

Nhận thấy, mối quan hệ giữa bà T và ông S không thể tiến đến quan hệ hôn nhân và không thể tiếp tục sống chung với nhau như vợ chồng được nữa, bà T nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa chấp thuận không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Mai Nguyễn Hữu S là vợ chồng.

- Về con chung và quyền nuôi con: Trong quá trình chung sống, bà T tự xác định giữa bà T và ông S 01 người con chung tên Mai Nguyễn Tuấn K (nam, sinh ngày 27/4/2021) hiện đang sống chung với bà T tại địa chỉ: Số X đường D, Phường Y, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T cho rằng bản thân có điều kiện chăm sóc tốt hơn ông S trong việc nuôi và giáo dục con nên yêu cầu Tòa giao trẻ Mai Nguyễn Tuấn K cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T tự xác định trong thời gian sống chung như vợ chồng, giữa bà T và ông S không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mai Nguyễn Hữu S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên

đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Mai Nguyễn Hữu S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Ông S đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn – ông Mai Nguyễn Hữu S có cư trú tại Quận 8, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Bà Nguyễn Thị T và ông Mai Nguyễn Hữu S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”*. Vì vậy, quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Mai Nguyễn Hữu S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Căn cứ lời trình bày của bà T cho thấy, quá trình chung sống giữa bà T và ông S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm,

lối sống, ông S không quan tâm chăm sóc gia đình và cả hai đã không còn tình cảm với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập nhiều lần đối với ông S đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải nhưng ông S vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện ông S không còn quan tâm đến mối quan hệ giữa bà T và ông S. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Mai Nguyễn Hữu S là vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về việc nuôi con chung: Bà T xác định giữa bà T và ông S có một con chung tên: Mai Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 27/4/2021.

Bà T đề nghị Toà án giao con chung Tuấn K cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay trẻ Tuấn K đang sống cùng bà T, do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của bà T là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình và đảm bảo quyền lợi của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao trẻ Tuấn K cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông S.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T tự xác định trong thời gian sống chung như vợ chồng, giữa bà T và ông S không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của ông S về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Thu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 9; Điều 14, 15, 16; Điều 53; Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Mai Nguyễn Hữu S.

2. Về nuôi con chung: Bà T và ông S có một con tên: Mai Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 27/4/2021.

Giao trẻ Mai Nguyễn Tuấn K cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà T không có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Mai Nguyễn Hữu S cho đến khi có yêu cầu.

Ông S có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0030014 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADSQ.8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSNDQ.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.